

Bản án số: 355/2019/DS-PT

Ngày: 15 - 10 - 2019

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2019/TLPT-DS ngày 12/8/2019 về Tranh chấp đòi lại tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 351/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị B (Bay), sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số nhà 177, Tổ 11, ấp Phú Điền, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B là: Luật sư Phạm Hoàng Đức – Công Luật hợp danh Anh Em Luật Sư, chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Thị C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số nhà 568, tổ 26, ấp Bình Mỹ A, xã Bình Thạnh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C là: Luật sư Phan Văn Bé – Văn phòng luật sư Hồng Đức, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Vào ngày 20/8/2007, bà có cho bà C (Là em ruột của bà) mượn 35 chỉ vàng 24k – 9999. Hẹn đến ngày 20/8/2010 (03 năm) bà C sẽ trả lại số vàng trên cho bà, không tính lãi. Hai bên có làm biên nhận vào ngày 20/8/2007, do con của bà là chị Lê Thị Hồng Tâm viết. Hai bên thống nhất mới ký tên và có 03 người làm chứng là bà Nguyễn Thị Anh (Là mẹ đẻ của bà đã chết), bà Trần Thị Trúc và bà Trần Thị Phi Vân (Là em ruột của bà).

Đến năm 2011 (không nhớ ngày, tháng), bà C có trả cho bà được 25 chỉ vàng 24k, (Số vàng bà C trả gồm 12 nhẫn loại 02 chỉ vàng 24k và 01 nhẫn loại 01 chỉ vàng 24k) tại nhà của bà Trần Thị Phi Vân, bà là người trực tiếp kiểm đếm vàng. Có bà Nguyễn Thị Anh chứng kiến, không có làm biên nhận, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Khi bà C trả vàng cho bà thì bà Vân có mặt ở nhà, nhưng đang nấu ăn, không có chứng kiến việc trả vàng.

Bà C còn nợ lại bà 10 chỉ vàng 24k – 9999 đến nay chưa trả. Do bà cần tiền sử dụng nên có yêu cầu bà C trả 10 chỉ vàng 24k cho bà, nhưng bà C không trả. Bà xác định không có việc bà và bà C thỏa thuận quy 35 chỉ vàng 24k thành 112.000.000 đồng như bà C đã trình bày. Khi vay vàng thì bà và bà C có thỏa thuận nếu bà C không trả vàng cho bà B thì bà được quyền sử dụng đất vườn của bà C. Thực tế hai bên chưa thực hiện nội dung này. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung thỏa thuận về đất vườn nói trên.

Ngoài số vàng 35 chỉ vàng 24k – 9999 cho bà C mượn ngày 20/8/2007, thì bà không còn cho bà C vay số tiền hay số vàng nào khác.

Do đó, bà yêu cầu bà C phải trả cho bà 10 chỉ vàng 24k – 9999, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà thừa nhận ngày 20/8/2007, bà có vay của bà Trần Thị B 35 chỉ vàng 24k – 9999, thỏa thuận lãi suất là 400.000 đồng/tháng, hạn 10 năm sẽ trả lại số vàng trên cho bà B. Hai bên có làm biên nhận vào ngày 20/8/2007, do con của bà B là Lê Thị Hồng Tâm viết, có đọc lại các bên thống nhất ký tên, có 03 người làm chứng là bà Nguyễn Thị Anh (là mẹ đẻ bà đã chết), bà Trần Thị Trúc, bà Trần Thị Phi Vân (em ruột bà). Sau khi vay vàng, bà có trả lãi cho bà B hàng tháng như đã thỏa thuận, nhưng bà không nhớ mình đã trả lãi được bao nhiêu tháng với tổng cộng số tiền lãi bao nhiêu. Khi trả tiền lãi không có làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến. Đến năm 2011, bà và bà B đã thỏa thuận với nhau là quy 35 chỉ vàng 24k – 9999 ra thành 112.000.000 đồng. Việc thỏa thuận này không có làm văn bản mà chỉ nói miệng với nhau, có bà Trần Thị Trúc và bà Trần Thị Phi Vân biết sự việc. Bà đã trả đủ số tiền 112.000.000 đồng cho bà B tại nhà của bà Vân, có bà Anh, bà Trúc và bà Vân chứng kiến. Khi trả số tiền nói trên không có làm biên nhận. Khi trả tiền thì bà B nói không đem theo biên nhận ngày 20/8/2007, bà B hứa về nhà sẽ xé biên nhận.

Khi vay vàng thì bà B và bà có thỏa thuận nếu bà không trả vàng cho bà B thì bà B được quyền sử dụng đất vườn của bà. Thực tế hai bên chưa thực hiện nội dung này. Do bà đã trả tiền xong cho bà B nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung thỏa thuận về đất vườn nêu trên.

Ngoài số vàng 35 chỉ vàng 24k – 9999 nêu trên, thì bà không có vay của bà B số tiền hay số vàng nào khác.

Bà không đồng ý trả 10 chỉ vàng 24k – 9999 theo yêu cầu của bà B, vì bà đã trả xong vào năm 2011.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cđã xử.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B.

- Buộc bà Trần Thị C có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị B số tiền 37.000.000 đồng (tiền giá trị số vàng 10 chỉ vàng 24k – 9999 bà C chưa trả cho bà B).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 6 năm 2019 bà Trần Thị C là bị đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B. Bà không đồng ý trả cho bà B 37.000.000đ và án phí theo giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Trần Thị C vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giám định chữ ký của bà C để làm căn cứ giải quyết vụ án. Vì bà C đã trả nợ xong cho bà B và bà B đã xé biên nhận ngày 20/8/2007.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị B và bà Trần Thị C có mối quan hệ là chị em ruột với nhau. Năm 2007, bà C có vay của bà B 35 chỉ vàng 24k – 9999, có làm biên nhận vào ngày 20/8/2007, thời hạn vay 03 năm. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà C thừa nhận biên nhận ngày 20/8/2007 mà bà B cung cấp đúng là biên nhận vay vàng vào năm 2007 và chữ ký trong biên nhận đúng là của bà. Đồng thời, hai người làm chứng là bà Trần Thị Trúc và bà Trần Thị Phi Vân thừa nhận có

chứng kiến việc bà B cho bà C vay 35 chỉ vàng 24k – 9999 và xác định chữ ký trong biên nhận ngày 20/8/2007 do bà B cung cấp đúng là chữ ký của mình. Theo thỏa thuận thì đến ngày 20/8/2010 bà C phải trả đủ số vàng trên cho bà B, nhưng bà C không thực hiện mà bà C chỉ trả cho bà B 25 chỉ vàng 24k – 9999, còn nợ lại 10 chỉ vàng 24k – 9999.

[2] Bà Trần Thị C cho rằng vào khoảng cuối năm 2011, giữa bà B và bà C có thỏa thuận miệng với nhau là quy 35 chỉ vàng 24k – 9999 thành 112.000.000 đồng và bà C đã trả xong, có bà Trần Thị Trúc và bà Trần Thị Phi Vân làm chứng. Tuy nhiên, việc này không được bà B thừa nhận và 02 người làm chứng là bà Trúc và bà Vân xác định chỉ chứng kiến khi bà C giao tiền cho bà B, còn việc thỏa thuận quy 35 chỉ vàng 24k – 9999 thành 112.000.000 đồng chỉ nghe bà C nói lại, chứ không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận.

Mặt khác, bà C và hai người làm chứng cũng thừa nhận giá vàng 24k – 9999 năm 2011 khoảng trên 4.000.000 đồng/chỉ, nếu nhân với 35 chỉ thì số tiền phải trên 150.000.000 đồng chứ không phải 112.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào Công văn số 2267/STC-QLG&CS ngày 14/10/2019 V/v cung cấp thông tin của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp thì giá vàng 24kara – 9999 bình quân tháng 12/2011 là 4.392.000đ/chỉ. Do đó, số tiền 112.000.000đ chỉ tương đương 25 chỉ vàng 24k, không tương ứng với 35 chỉ vàng vay của bà B. Bà C cũng không chứng minh được việc chênh lệch này mà cho rằng bà B chỉ đòi bao nhiêu đó, còn bà B thì không thừa nhận. Vì vậy, bà C cho rằng đã trả cho bà B xong 35 chỉ vàng là chưa phù hợp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà C cho rằng khi trả 112.000.000đ cho bà B, bà có yêu cầu bà B giao lại biên nhận nhưng bà B không giao mà nói để quên ở nhà khi về nhà bà B sẽ xé biên nhận. Vì vậy, bà yêu cầu giám định biên nhận ngày 20/8/2007 do bà B cung cấp cho Tòa án. Việc bà C yêu cầu giám định là không có căn cứ. Bởi vì, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà và những người làm chứng đều thừa nhận chữ ký của mình trong biên nhận ngày 20/8/2007 do bà B cung cấp cho Tòa án. Mặt khác, trong đơn kháng cáo của bà cũng không có yêu cầu giám định. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và yêu cầu giám định của bà C là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B và vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo của bà C, nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị C.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.
3. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B.
4. Buộc bà Trần Thị C phải trả cho bà Trần Thị B số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi B triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Bà Trần Thị B được nhận lại 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006311 ngày 06/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, 1.850.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền

tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0006846 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Số còn lại phải nộp tiếp là 1.850.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt